

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-5-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Phúc Vượng; Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Phụng -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Bản K1, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Bản K1, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Thị O trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn K về chung sống với nhau từ năm 2006 đến ngày 17/6/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Lý do chị về chung sống cùng anh K từ năm 2006 đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn do thời điểm về chung sống chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Việc kết hôn giữa chị và anh K là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh K chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh K tại bản K1, xã TĐ. Đến năm 2019 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do

anh K không chịu tu chí làm ăn, hay rượu chè và khi say rượu thì hay đánh đập chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh K đã được gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Do không thể tiếp tục chung sống với anh K nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Bản Quyết Tiến, xã Pắc Ta, huyện TU sinh sống, ly Th với anh K từ năm 2019 cho đến nay. Bản Th chị bị bệnh thường xuyên đau yếu, chị bị U xương hàm từ cuối năm 2016 đã điều trị, hiện nay lại tái phát. Khoảng thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ và sống ly Th với anh K thì anh K cũng không quan tâm, không mong muốn chị quay về chung sống với anh. Chị xét thấy do giữa chị và anh K không còn tình cảm yêu thương nhau nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung thật sự không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Lò Văn Th, sinh ngày 28/10/2008 và Lò Thị M, sinh ngày 08/10/2010. Hiện con chung đang ở cùng anh K và bố mẹ của anh K tại bản K1, xã TĐ, huyện TU. Theo đơn xin ly hôn và các lời khai ban đầu chị có nguyện vọng sau khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị thấy rằng do hoàn cảnh hiện tại của chị rất khó khăn, chị đang bị bệnh U xương hàm tái phát, cần phải điều trị lâu dài; chị phải đi làm thuê để lấy tiền chữa bệnh và tiền nuôi các con ăn học. Hơn nữa, các con chị đang ở với anh K và ông bà nội (bố mẹ đẻ anh K) được ông bà chăm sóc và nguyện vọng của các con đều muốn ở với bố nên chị nhất trí việc anh K sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi các con trưởng thành. Anh K không yêu cầu chị cấp dưỡng chị nhất trí.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị O và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Lò Văn K mặc dù biết chị O có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và anh K đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Lò Văn K có sự chứng kiến của trưởng bản K1, xã TĐ nhưng anh K không ký biên bản vì không nhất trí ly hôn: Anh xác nhận thời gian anh chị về chung sống với nhau và đến năm 2011 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện; anh không còn tình cảm yêu thương chị Hoàng Thị O nhưng không nhất trí ly hôn với lý do chị O chưa trả cho anh và gia đình anh tiền lễ cưới, tiền chữa bệnh tổng số tiền 70 triệu đồng nhưng anh không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung này; Về con chung, anh xác định như chị O trình bày và anh có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng; Về tài sản chung anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị O và xem xét quyết định: Chị Hoàng Thị O được ly hôn với anh Lò Văn K; giao 02 con chung cho anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành; về phân chia tài sản do chị Hoàng Thị O, Lò Văn K không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lò Văn K có nơi cư trú tại bản K1, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu. Anh Lò Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị O có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 26/4/2023, Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh K tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh K là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị O và anh Lò Văn K đăng ký kết hôn ngày 17/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị O và anh K hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh K là hợp pháp. Quá trình chung sống chị O và anh K hạnh phúc được 13 năm (tính từ năm 2006 đến năm 2019), sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh K và chị O không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly Th từ năm 2019 cho đến nay. Anh K biết việc chị O xin ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa án để làm các thủ tục ly hôn với chị O vì lý do chị O chưa trả tiền lễ cưới và tiền gia đình anh đưa chị O đi chữa bệnh nên anh không đến Tòa án để làm việc, anh thừa nhận cũng không còn yêu thương chị O. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị O và anh K kéo dài, giữa chị O và anh K không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị O không còn tình cảm yêu thương đối với anh K, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh K, anh K không còn yêu thương chị O nhưng anh không nhất trí ly hôn chỉ vì chị O chưa trả cho anh và gia đình anh tiền lễ cưới và tiền đưa chị đi chữa bệnh, anh K cố tình trốn tránh việc đến Tòa để làm các thủ tục ly hôn đã thể hiện anh K cũng không muốn hàn gắn tình cảm với chị O. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị O và anh K đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Lò Văn Th, sinh ngày 28/10/2008 và Lò Thị M, sinh ngày 08/10/2010. Hiện con chung đang ở cùng anh K và bố mẹ của anh K tại bản K1, xã TĐ. Anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con vì hiện nay các con đang ở với anh và bố mẹ anh. Tại biên bản lấy lời khai của hai con chung đều có nguyện vọng ở với bố vì lý do hiện nay mẹ đang đi làm để lấy tiền nuôi hai cháu. Tại phiên tòa, chị O cũng nhất trí để anh K là người trực tiếp nuôi con vì lý do chị đang đi làm thuê tại Thái Nguyên để có tiền chữa trị bệnh và nuôi các con, các con chung của anh chị hiện còn được ông bà nội chung sống cùng với anh K chăm sóc từ nhỏ, thường xuyên đưa đón các cháu đi học và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy việc giao các con chung cho anh Lò Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp. Do anh K không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Hoàng Thị O và anh Lò Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị O được ly hôn với anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Văn Th, sinh ngày 28/10/2008 và Lò Thị M, sinh ngày 08/10/2010 cho anh Lò Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Hoàng Thị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn K không yêu cầu chị Hoàng Thị O phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Hoàng Thị O và anh Lò Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị O đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001402 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TU;
- Chi cục THADS huyện TU;
- UBND xã TĐ, H. TU;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

